UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ THƯỢNG HỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1141/QĐ-UBND	*Thượng Hồng, ngày 18 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách xã năm 2026 xã Thượng Hồng

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THƯỢNG HỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách xã năm 2026.

Căn cứ Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Thượng Hồng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách xã năm 2026;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 107/TTr-PKT ngày 15/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách xã năm 2026, cụ thể như sau:

I. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách xã năm 2026.

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu ngân sách xã năm 2026:

a) Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 294.731 triệu đồng. bao gồm:

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 27.270 triệu đồng
- Thu lệ phí trước bạ: 8.000 triệu đồng
- Thu phí, lệ phí: 130 triệu đồng

- Thu tiền sử dụng đất phi NN: 30 triệu đồng
- Thu tiền thuê đất: 100 triệu đồng
- Thu tiền sử dụng đất: 93.100 triệu đồng
- Thu khác ngân sách: 400 triệu đồng
- Thu HLCS và quỹ đất công ích: 955 triệu đồng

b) Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 164.746 triệu đồng.

c) Dự toán thu ngân sách xã: 223.107 triệu đồng, bao gồm:

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 14.726 triệu đồng
- Thu lệ phí trước bạ: 5.500 triệu đồng
- Thu phí, lệ phí: 130 triệu đồng
- Thu tiền sử dụng đất phi NN: 30 triệu đồng
- Thu tiền thuê đất: 40 triệu đồng
- Thu tiền sử dụng đất: 35.820 triệu đồng
- Thu khác ngân sách: 80 triệu đồng
- Thu HLCS và quỹ đất công ích: 955 triệu đồng

d) Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 165.826 triệu đồng

Trong đó:

Thu bổ sung cân đối: 164.746 triệu đồng.

Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên: 1.080 triệu đồng

(Chi tiết tại phụ lục 01kèm theo)

2. Dự toán chi ngân sách xã năm 2026:

Tổng chi ngân sách xã năm 2026 là: 223.107 triệu đồng, bao gồm:

a) Chi đầu tư phát triển: 35.820 triệu đồng.

b) Chi thường xuyên: 182.912 triệu đồng.

c) Chi dự phòng ngân sách xã: 4.375 triệu đồng,

(Chi tiết tại phụ lục 02, 03, 04 kèm theo)

Điều 2: Tổ chức thực hiện.

1. Đối với dự toán thu ngân sách nhà nước:

Căn cứ dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu ngân sách xã năm 2026 được giao, các ban ngành, các đơn vị tổ chức thực hiện phấn đấu hoàn thành và hoàn thành cao nhất nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2026.

2. Đối với dự toán chi ngân sách:

Căn cứ vào dự toán chi ngân sách năm 2026 được giao, các ban ngành, đơn vị chủ động thực hiện điều hành dự toán sách trong phạm vi được duyệt, bảo đảm hiệu quả, bố trí các khoản chi theo thứ tự ưu tiên trước hết bảo đảm chi lương, phụ cấp, an sinh xã hội; nghiêm túc thực hiện yêu cầu về tiết kiệm, chống lãng phí theo Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí; tiết kiệm chi thường xuyên đặc biệt là các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, chi cho bộ máy quản lý nhà nước, chi hoạt động các đơn vị sự nghiệp.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân xã; Trưởng phòng Kinh tế xã, Hiệu trưởng các trường học và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Lưu: VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hà Thị Thuỷ

UBND XÃ THƯỢNG HỒNG

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Phụ lục 01

(Kèm theo quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Thượng Hồng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2026				Ghi chú
		Dự toán HĐND thành phố giao		Dự toán HĐND xã giao		
		Thu NSNN	Thu NSĐP	Thu NSNN	Thu NSĐP	
A	B	1	2			3
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**294.731**	**223.107**	**294.731**	**223.107**	
I	**Thu nội địa**	**129.985**	**57.281**	**129.985**	**57.281**	
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)					
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)					
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước (Chi tiết theo sắc thuế)ngoài					
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)	**27.270**	**14.726**	**27.270**	**14.726**	
4.1	*Thuế thu nhập doanh nghiệp*	*6.420*	*3.467*	*6.420*	*3.467*	
4.2	*Thuế GTGT*	*20.850*	*11.259*	*20.850*	*11.259*	
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Lệ phí trước bạ	**8.000**	**5.500**	**8.000**	**5.500**	
6.1	*Trong đó: Lệ phí trước bạ nhà đất*		*3.000*		*3.000*	
7	Thu phí, lệ phí	130	130	130	130	
8	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	30	30	30	30	
10	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	100	40	100	40	
11	Thu tiền sử dụng đất	93.100	35.820	93.100	35.820	
12	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					
13	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)					
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản					
15	Thu khác ngân sách	400	80	400	80	
16	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	955	955	955	955	
II	**Thu viện trợ**					
III	**Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang**					
IV	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**164.746**	**165.826**	**164.746**	**165.826**	
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	164.746	164.746	164.746	164.746	
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên		1.080		1.080	

UBND XÃ THƯỢNG HỒNG

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2026

Phụ lục 02

(Kèm theo quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Thượng Hồng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Ghi chú
		UBND thành phố giao	HĐND xã giao	
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	**223.107**	**223.107**	
A	**CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ**	**223.107**	**223.107**	
	Trong đó:			
I	**Chi đầu tư phát triển**	**35.820**	**35.820**	
1	Chi đầu tư cho các dự án	35.820	35.820	
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	**Chi thường xuyên**	**182.912**	**182.912**	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	82.402,00	82.402,00	
	Trong đó: tiền thưởng (=10% lương)			
2	Chi khoa học và công nghệ	390,00	390,00	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	3.830,00	3.830,00	
4	Chi văn hóa thông tin	1.433,00	1.433,00	
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	300,00	300,00	
6	Chi thể dục thể thao	355,00	355,00	
7	Chi bảo vệ môi trường	2.242,00	2.242,00	
8	Chi các hoạt động kinh tế	21.674,00	21.674,00	
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	27.652,00	27.652,00	
	Trong đó: tiền thưởng (=10% lương)			
10	Chi bảo đảm xã hội	37.223,00	37.223,00	
11	Chi Quốc phòng, An ninh và TTATXH	4.501,00	4.501,00	
12	Chi khác	910,00	910,00	
III	**Dự phòng ngân sách**	**4.375,00**	**4.375,00**	
IV	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**			
V	**Tiết kiệm theo Nghị quyết 173/NQ-CP**	**4.206,0**	**4.206,0**	
B	**CHI VIỆN TRỢ**			
C	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG MỤC TIÊU**			

UBND XÃ THƯỢNG HỒNG

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ THƯỢNG HỒNG NĂM 2026

Phụ lục 03

(Kèm theo quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Thượng Hồng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2026		Ghi chú
		UBND thành phố giao	HĐND xã giao	
A	**TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ**	**223.107**	**223.107**	
I	**Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp**	**57.281**	**57.281**	
-	Thu ngân sách xã hưởng 100%			
-	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia	57.281	57.281	
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**165.826**	**165.826**	
-	Thu bổ sung cân đối	164.746	164.746	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	1.080	1.080	
III	**Thu kết dư**			
IV	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**			
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ**	**223.107**	**223.107**	
I	**Tổng chi cân đối ngân sách xã**	**218.732**	**218.732**	
1	Chi đầu tư phát triển	35.820	35.820	
2	Chi thường xuyên	182.912,0	182.912,0	
3	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
II	**Dự phòng ngân sách**	**4.375**	**4.375**	
III	**Chi từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu**			
IV	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**			
V	**Tiết kiệm theo Nghị quyết 173/NQ-CP**	**4.206,0**	**4.206,0**	

UBND XÃ THƯỢNG HỒNG

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

Phụ lục 04

(Kèm theo quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Thượng Hồng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ																	SỐ SAU KHI TRỪ TIẾT KIỆM
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ TTATXH	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	CHI KHÁC	TIẾT KIỆM 10% CHI TX THEO NQ 173	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	
											CHI GIAO THÔNG, THỊ CHÍNH	CHI NÔNG NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN	CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ KHÁC								
A	B	1=2+..+9+13+..+19	2	3	4	5	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG SỐ (I+II+III)	**223.107,0**	**82.402,0**	**390,0**	**3.830,0**	**1.765,0**	**300,0**	**355,0**	**2.242,0**	**21.574,0**	**1.500,0**	**240,0**	**19.834,0**	**36.366,0**	**4.501,0**	**28.277,0**	**35.820,0**	**910,0**	**0,0**	**4.375,0**	**223.107,0**
I	**CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**	**35.820,0**	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	35.820,0	0,0	0,0	0,0	**35.820,0**
II	**CHI THƯỜNG XUYÊN**	**182.912,0**	**82.402,0**	**390,0**	**3.830,0**	**1.765,0**	**300,0**	**355,0**	**2.242,0**	**21.574,0**	**1.500,0**	**240,0**	**19.834,0**	**36.366,0**	**4.501,0**	**28.277,0**	**0,0**	**910,0**	**0,0**	**0,0**	**182.912,0**
1	Văn phòng Đảng ủy xã	7.844,0												7.844,0							7.844,0
2	Văn phòng HĐND và UBND xã	9.760,0		390,0										8.460,0				910,0			9.760,0
3	An ninh và TTATXH	1.914,0													1.914,0						1.914,0
4	Quốc phòng	2.587,0													2.587,0						2.587,0
5	Ytế dân số và gia đình	3.830,0			3.830,0																3.830,0
6	Phòng Kinh tế	25.254,0							2.242,0	**21.574,0**	*1.500,0*	*240,0*	*19.834,0*	1.438,00							25.254,0
7	Phòng Văn hóa - Xã hội	38.523,0	150,0					355,0						9.741,0		28.277,0					38.523,0
8	UB MTTQ VN xã	3.451,0												3.451,0							3.451,0
9	Trung tâm PVHCC xã	1.311,0												1.311,0							1.311,0
10	Trung tâm Dịch vụ SN công	2.065,0				1.765,0	300,0														2.065,0
11	Mầm non Bình Xuyên	10.962,0	10.962,031																		10.962,0
12	Mầm non Thái Dương	5.924,4	5.924,371																		5.924,4
13	Mầm non Thái Hòa	6.638,7	6.638,734																		6.638,7
14	Tiểu Học Bình Xuyên	11.536,3	11.536,273																		11.536,3
15	Tiểu Học Thái Dương	6.513,6	6.513,554																		6.513,6
16	Trung học cơ sở Bình Xuyên	8.884,3	8.884,292																		8.884,3
17	Trung học cơ sở Thái Dương	4.774,4	4.774,446																		4.774,4
18	Trường TH và THCS Thái Hòa (TH)	6.486,8	6.486,798																		6.486,8
19	Trường TH và THCS Thái Hòa (THCS)	5.297,0	5.296,970																		5.297,0

STT	ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ																		SỐ SAU KHI TRỪ TIẾT KIỆM
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ TTATXH	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	CHI KHÁC	TIẾT KIỆM 10% CHI TX THEO NQ 173	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	
											CHI GIAO THÔNG, THỊ CHÍNH	CHI NÔNG NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN	CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ KHÁC									
20	Dự toán chưa phân bổ	4.121,0												4.121,0							4.121,0
21	Dự toán chưa phân bổ SNGD (tăng cường CSVC, chi TX)	15.234,5	15.234,5																		15.234,5
	Trong đó: Dự toán chi tiền thưởng theo NĐ 73	*3.289,0*	*3.289,0*																		
	Chi tiết kiệm	*4.206,0*																	*4.206,0*		
III	**DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH**	**4.375,0**																		4.375,0	4.375,0